

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH: BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÁT TRIỂN
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHVN ngày tháng năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Biến đổi Khí hậu và Phát triển
 - + Tiếng Anh: Climate Change and Development
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8440229
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngôn ngữ: Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh trừ 2 học phần sau: Triết học (tiếng Việt), Tiếng Nhật (tiếng Việt và tiếng Nhật). Luận văn tốt nghiệp được viết và bảo vệ bằng tiếng Anh.
- Thời gian đào tạo: 02 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ Biến đổi Khí hậu và Phát triển
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Climate Change and Development
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Công nghệ kỹ thuật tiên tiến - Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Lĩnh vực Biến đổi khí hậu (BĐKH) là lĩnh vực học thuật có tính liên ngành cao, nội dung hàm chứa kiến thức tổng hợp của nhiều ngành thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển nhằm mục tiêu thúc đẩy vai trò lãnh đạo, năng lực thích ứng và học tập suốt đời, cũng như trách nhiệm xã hội cho nguồn nhân lực chất lượng cao trong hoạt động ứng phó với BĐKH và phát triển.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Khả năng lãnh đạo chuyên nghiệp: Học viên tốt nghiệp sẽ trở thành các giảng viên, nghiên cứu viên, nhà quản lý hoạch định chính sách, chuyên viên hỗ trợ chính sách, các nhà tư

vấn, doanh nhân khởi nghiệp và những người tiên phong trong đề xuất, thực hiện các dự án về ứng phó với BĐKH (thích ứng và giảm thiểu), khoa học về BĐKH, và tác động và tính dễ bị tổn thương của BĐKH cho phát triển kinh tế-xã hội, cũng như tham gia vào các diễn đàn trong nước và quốc tế về thích ứng với BĐKH cho phát triển và các lĩnh vực có liên quan.

Khả năng thích ứng, học tập suốt đời: Học viên tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời, nắm vững và áp dụng kiến thức và ý tưởng liên ngành mới, cập nhật, công nghệ tiên tiến, xu hướng và kỹ năng liên ngành để đổi mới các giải pháp ứng phó với BĐKH, khoa học về BĐKH, đánh giá tác động và tính dễ bị tổn thương của BĐKH để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan (nhà nước và tư nhân, các tổ chức, cộng đồng, khác...); có năng lực thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động.

Trách nhiệm xã hội: Học viên tốt nghiệp nâng cao ý thức trách nhiệm đối với các hành động và kết quả hành động của mình bao gồm các đề xuất, giải pháp về ứng phó với BĐKH và phát triển, khoa học về BĐKH, đánh giá tác động và tính dễ bị tổn thương của BĐKH, cân nhắc về hệ quả của những hành động này trước khi bắt đầu thực hiện. Học viên tốt nghiệp sẽ trở thành thành viên của các tổ chức hoặc cộng đồng chuyên nghiệp về biến đổi khí hậu, cũng như các hoạt động phục vụ cộng đồng và dựa vào cộng đồng.

3. Thông tin tuyển sinh

Theo Quy định về công tác tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN và Theo đề án tuyển sinh sau đại học được ĐHQGHN phê duyệt hàng năm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

Sau khi tốt nghiệp từ Chương trình thạc sỹ Biến đổi khí hậu và Phát triển, người học sẽ đạt được khối lượng kiến thức sau:

a. Kiến thức chung

Vận dụng kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin để kết hợp trong học tập, nghiên cứu khoa học, cũng như công tác thực tiễn;

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ bản, liên ngành và các phương pháp nghiên cứu để đánh giá và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến giảm thiểu và thích ứng với BĐKH cho phát triển bền vững ở các cấp độ khác nhau, từ địa phương, quốc gia, đến cấp độ toàn cầu;

- Đánh giá kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới và quản trị liên quan đến ứng phó với BĐKH để phát triển; đánh giá và dự báo các vấn đề liên quan đến BĐKH và ứng phó với BĐKH; dự đoán xu hướng phát triển của khoa học BĐKH.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

a. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng nghiên cứu và phát triển (lên kế hoạch và tiếp cận các công việc trong lĩnh vực BĐKH, sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và chuyên môn; và đề xuất các sáng kiến cũng như nghiên cứu BĐKH);

- Vận dụng các kiến thức để giải quyết các vấn đề BĐKH và ứng phó với BĐKH và triển khai các giải pháp về khoa học, công nghệ, cơ chế, chính sách, và tài chính cho ứng phó với BĐKH và phát triển.

b. Kỹ năng mềm

- Thể hiện tư duy hệ thống; kỹ năng hợp tác với cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để giải quyết các vấn đề BĐKH, giao tiếp trong công việc, dự án về BĐKH; và tổ chức, quản lý, và quản trị phát triển sự nghiệp;

- Đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tự chủ và thích ứng trong môi trường làm việc cạnh tranh, ví dụ như: kỹ năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Nhật; có kỹ năng quản lý thời gian; sử dụng các phần mềm chuyên ngành; có khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Yêu nước, tự tôn dân tộc, có trách nhiệm với cộng đồng;

- Cởi mở, dân chủ, tôn trọng lợi ích, đặc trưng văn hóa của các đối tác quốc tế và sẵn sàng hợp tác với các đối tác quốc tế;

- Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, tôn trọng sự khác biệt, chống lại các kỳ thị xã hội, tôn giáo, giới, dân tộc, văn hóa, chủng tộc vv...;

- Làm việc theo hiến pháp và pháp luật của nhà nước.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Tự tin, linh hoạt, nhiệt tình, có chí tiến thủ, sẵn sàng đương đầu với khó khăn;

- Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, đáng tin cậy; chủ động, tự giác, có trách nhiệm trong công việc, có ý thức tổ chức, kỷ luật, tác phong làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, lịch sự.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Say mê nghiên cứu khoa học, khám phá kiến thức, thích ứng với môi trường đa văn hóa;
- Có lối sống tích cực.

4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thể hiện tính năng động, tự tin, kiên trì, nhiệt tình, quản lý và chấp nhận rủi ro;
- Có ý thức trách nhiệm xã hội/cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp đặc biệt đối với các kết quả nghiên cứu khoa học và khả năng thích nghi với môi trường đa văn hóa, hài hoà giữa lợi ích của các bên tham gia, giữa ứng phó BĐKH và phát triển; có kỷ luật trong công việc và lối sống tích cực; có thái độ nghiêm túc đối với sự nghiệp ứng phó với BĐKH cho phát triển bền vững;
- Có tinh thần trách nhiệm trong nghiên cứu, sáng tạo kiến thức mới, và đưa ra ý tưởng mới cho ứng phó với BĐKH trong các hoàn cảnh khác nhau; thích nghi và hướng dẫn người khác, và đưa ra các quyết định chuyên gia về ứng phó BĐKH; quản lý các nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm trong việc học tập để phát triển kiến thức chuyên môn, và tạo ra kiến thức mới trong quá trình học tập; và có năng lực học tập suốt đời.

5. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp học viên có khả năng:

- Lập tổ chức/doanh nghiệp khởi nghiệp về ứng phó biến đổi khí hậu;
- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu ở các trường đại học, cơ quan nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chuyên môn, chuyên ngành BĐKH;
- Làm công tác quản lý, hoạch định chính sách về BĐKH và ứng phó với BĐKH ở các bộ ngành có liên quan và các cơ sở ở địa phương;
- Công tác tại các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển, sinh kế và cộng đồng;
- Nghiên cứu, quản lý tại các khu vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu du lịch, sinh thái, khu dự trữ sinh quyển...;
- Đảm nhận các công việc có liên quan tới lĩnh vực BĐKH trong các doanh nghiệp, cơ quan của Việt Nam, Nhật Bản và các quốc gia khác.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển, học viên có thể theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực BDKH tại các Trường Đại học trong và ngoài nước.

7. Các chương trình, tài liệu đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo

- Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN): Quyết định số 1011/ĐT ngày 12/03/2008 về Quy định về văn bằng, chứng chỉ của ĐHQGHN;

- Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg, ngày 02/11/2008 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BDKH;

- ĐHQGHN: Công văn số 1885/ĐHQGHN-KHTC ngày 24/06/2011 về việc dự thảo phương án thí điểm về kinh phí đào tạo sau đại học ở ĐHQGHN;

- ĐHQGHN: Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/4/2012 của Giám đốc ĐHQGHN;

- Bộ GD&ĐT: Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BGDĐT ngày 08/5/2014 về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học;

- Quyết định số 1186/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, ngày 21/07/2014 về việc thành lập Trường ĐHVN thuộc ĐHQGHN;

- ĐHQGHN: Quy chế Đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN ban hành kèm theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc ĐHQGHN;

- ĐHQGHN: Hướng dẫn số 1110/HD-ĐHQGHN của Giám đốc ĐHQGHN, ngày 30/03/2015 về Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo đại học theo Quy chế đào tạo đại học;

- Bộ GD&ĐT: Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Biên bản họp ngày 14/11/2014 giữa Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tại Việt Nam và Đại học Quốc gia Hà Nội về việc triển khai dự án Hợp tác kỹ thuật các chương trình đào tạo thạc sĩ.

- Văn bản số 9952/VPCP-QHQT ngày 12/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về danh mục các dự án đề nghị Chính phủ Nhật Bản viện trợ không hoàn lại năm tài khóa 2015.

- Biên bản thỏa thuận về Dự án hỗ trợ kỹ thuật các chương trình đào tạo thạc sĩ ngày 13/02/2015 giữa Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật bản tại Việt Nam (JICA) và Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Quyết định số 2767/QĐ-ĐHQGHN ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc phê duyệt dự án "Hợp tác kỹ thuật đào tạo các chương trình thạc sĩ của Trường Đại học Việt Nhật".

- Hồ sơ văn kiện dự án "Hợp tác kỹ thuật đào tạo các chương trình thạc sĩ của Trường Đại học Việt Nhật".

- Biên bản ghi nhớ ngày 26/4/2016 giữa Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản và Đại học Quốc gia Hà Nội về kế hoạch triển khai Dự án "Hợp tác kỹ thuật các chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường Đại học Việt Nhật".

Theo đó, chương trình đào tạo thạc sĩ Biến đổi khí hậu và phát triển được xác định là 1 trong 9 chương trình đào tạo thạc sĩ nằm trong khuôn khổ của dự án Hợp tác kỹ thuật các chương trình đào tạo thạc sĩ tại Trường ĐHVN do JICA tài trợ.

- ĐHVN: Quyết định số 01/QĐ-ĐHVN ngày 06/05/2016 về việc thành lập tổ chuyên gia xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH của Trường ĐHVN;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH và Phát triển bền vững, Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH, Đại học Ibaraki, Nhật Bản;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH và Bền vững, Đại học Brunei, Brunei;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH và Phát triển bền vững, Đại học De Montfort, Vương Quốc Anh;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH và Phát triển, Đại học Cape Town, Nam Phi;

- Chương trình đào tạo thạc sĩ BDKH, ĐHQGHN, Việt Nam;

- Xây dựng khả năng phục hồi với BDKH Building Resilience to Climate Change Courses (BRCC), UN-CECAR.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	64 tín chỉ
- <i>Khối kiến thức chung</i>	<i>07 tín chỉ</i>
- <i>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</i>	<i>45 tín chỉ</i>
+ <i>Khối kiến thức cơ sở</i>	<i>08 tín chỉ</i>
+ <i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>	<i>37 tín chỉ</i>
* <i>Bắt buộc</i>	<i>18 tín chỉ</i>
* <i>Tự chọn</i>	<i>19/76 tín chỉ</i>
- <i>Luận văn Thạc sĩ</i>	<i>12 tín chỉ</i>

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	7				
1.	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	3	45	0	0	
2.	ENG5001	Tiếng Anh cơ bản <i>Basic English</i>	4	30	30	0	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42				
II.1		Khối kiến thức cơ sở	8				
3.	VJU6001	Cơ sở khoa học bền vững <i>Basic of Sustainability Science</i>	3	40	5	0	
4.	VJU6002	Phương pháp luận và Hệ thống thông tin cho Khoa học bền vững <i>Methodology and Informatics for Sustainable Science</i>	3	40	5	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
5.	VJU5004	Tiếng Nhật <i>Japanese Language</i>	2	5	25	0	
II.2		<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>					
II.2.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>					
6.	MCCD6001	Cơ sở khoa học của Biến đổi khí hậu I <i>Fundamentals of Climate Change I</i>	3	30	15	0	
7.	MCCD6002	Cơ sở khoa học của Biến đổi khí hậu II <i>Fundamentals of Climate Change II</i>	3	30	15	0	
8.	MCCD6003	Đánh giá tác động và tính dễ bị tổn thương do Biến đổi khí hậu <i>Climate Change Impacts and Vulnerability Assessment</i>	3	30	15	0	
9.	MCCD6004	Giảm nhẹ và thích ứng với Biến đổi khí hậu <i>Climate Change Mitigation and Adaptation</i>	3	30	15	0	
10.	MCCD6009	Thực tập Biến đổi khí hậu và Phát triển <i>Internship</i>	6	10	80	0	
II.2.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	19/76				
11.	VJU5005	Tiếng Nhật <i>Japanese Language</i>	4	0	60	0	
12.	MCCD6005	Tiếng Anh học thuật <i>Academic English</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
13.	MCCD6006	Nghiên cứu học thuật trong Biến đổi khí hậu <i>Academic Research in Climate Change</i>	2	20	10	0	
		Khoa học Biến đổi khí hậu	14				
14.	MCCD6010	Mô hình hóa khí hậu <i>Climate Modeling</i>	3	30	15	0	MCCD6001 MCCD6002
15.	MCCD6011	Nghiên cứu xã hội về BĐKH <i>Social Research on Climate Change</i>	2	20	10	0	
16.	MCCD6012	Cổ khí hậu học <i>Paleoclimatology</i>	2	20	10	0	
17.	MCCD6013	Kinh tế học của Biến đổi khí hậu <i>Economics of Climate Change</i>	3	30	15	0	
18.	MCCD6014	Chính sách, luật và thể chế đối với khí hậu <i>Climate Policy, Law and Institutions</i>	2	20	10	0	MCCD6004
19.	MCCD6024	Mô hình tích hợp và khoa học hệ thống phức tạp <i>Integrated Modelling and Complex Systems Science</i>	2	20	10	0	MCCD6001 MCCD6002
		Tác động và tính dễ bị tổn thương	5				
20.	MCCD6015	Đánh giá và quản lý rủi ro Biến đổi khí hậu	3	30	15	0	MCCD6003

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Climate Change Risk Assessment and Management</i>					
21.	MCCD6025	Môi trường, sức khỏe và xã hội <i>Environment, Health and Societies</i>	2	20	10	0	
		<i>Giảm thiểu và thích ứng</i>	47				
22.	MCCD6008	Phát triển và phát triển bền vững trong bối cảnh Biến đổi khí hậu <i>Development and Sustainable Development in the Context of Climate Change</i>	2	20	10	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004
23.	MCCD6016	Cộng đồng và thích ứng với Biến đổi khí hậu <i>Communities and Climate Change Adaptation</i>	2	20	10	0	
24.	MCCD6017	Thích ứng dựa vào tự nhiên và hệ sinh thái <i>Nature and Ecosystem-based adaptation</i>	3	30	15	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004
25.	MCCD6018	Thông tin địa lý và phân tích dữ liệu ứng phó với Biến đổi khí hậu <i>Geo-informatics and Data Analysis for</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Climate Change Response</i>					
26.	MCCD6019	Biến đổi khí hậu và an ninh <i>Climate Change and Security</i>	3	30	15	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004
27.	MCCD6020	Thích ứng với Biến đổi khí hậu trong thủy sản và nông nghiệp <i>Aqua-Agriculture Adaptation to Climate Change</i>	3	30	15	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004
28.	MCCD6021	Công nghệ năng lượng và quản lý cho giảm thiểu <i>Energy Technologies and Management for Mitigation</i>	3	30	15	0	
29.	MCCD6022	Quản lý bền vững tài nguyên nước <i>Sustainable Water Management</i>	3	30	15	0	MCCD6001 MCCD6002
30.	MCCD6023	Thích ứng với Biến đổi khí hậu ở các đô thị <i>Climate Change Adaptation in Cities</i>	2	20	10	0	
31.	MCCD6026	Dự tính khí hậu: Tính bất định và hoạch định chính sách	2	20	10	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Climate Projections: Uncertainty and Decision Making</i>					
32.	MCCD6027	Sáng kiến Biến đổi khí hậu <i>Climate Change Innovation</i>	2	20	10	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6004
33.	MCCD6028	Xã hội học của Biến đổi khí hậu <i>The Sociology of Climate Change</i>	3	30	15	0	
34.	MCCD6029	Sáng kiến Biến đổi khí hậu <i>Land use planning for climate change response</i>	2	20	10	0	MCCD6001 MCCD6002 MCCD6003 MCCD6004
35.	MCCD6030	Phân tích chi phí lợi ích đối với Biến đổi khí hậu <i>Cost-benefit Analysis for Climate Change</i>	3	45	0	0	
36.	MCCD6031	Kinh tế tài nguyên và môi trường <i>Resource and Environment Economics</i>	3	30	15	0	
37.	MCCD6032	Tài chính khí hậu <i>Climate Finance</i>	2	20	10	0	
38.	MPP6010	Kinh tế và chính sách phát triển vùng và đô thị <i>Economics and Policy of Urban and Regional Development</i>	3	45	0	0	
39.	MPP6013	Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	30	0	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>Agriculture and Rural Development Policy</i>					
40.	MEE6010	Hệ thống quản lý môi trường <i>Environmental Management Systems</i>	2	25	5	0	
		Thực tế/thực hành về Biến đổi khí hậu	2				
41.	MCCD6007	Thực địa liên ngành về Biến đổi khí hậu <i>Hands-on Training and Interdisciplinary Fieldwork on Climate Change</i>	2	10	20	0	
III		Luận văn thạc sĩ	12				
42.	MCCD7001	Luận văn thạc sĩ <i>Master thesis</i>	12	180			
		TỔNG	64				

* Học phần Tiếng Anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh cơ bản không tính trong điểm Trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.